

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII
trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII

Đại hội Đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XIII diễn ra vào thời điểm kết thúc 5 năm đầu của Thế kỷ XXI, đất nước ta sau 20 năm đổi mới đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử và đang bước vào thời kỳ phát triển mới. Đại hội có nhiệm vụ tổng kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XII Đảng bộ tỉnh; đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh, bền vững, đảm bảo giữ vững quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh toàn diện cho giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng những mục tiêu tổng quát đến năm 2015.

PHẦN THỨ NHẤT

Tình hình thực hiện Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII (nhiệm kỳ 2001 - 2005)

I- Những thành tựu

Nhiệm kỳ qua, trong bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến nhanh và khó lường, đặc biệt tình hình an ninh chính trị trên địa bàn Tây Nguyên và của tỉnh có những diễn biến phức tạp, thời tiết thất thường, dịch bệnh, giá cả một số mặt hàng thiết yếu tăng nhanh; song dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng, sự quan tâm đầu tư của Chính phủ cùng với truyền thống đoàn kết và quyết tâm vượt qua khó khăn, thách thức, Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh đã nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tựu rất quan trọng trên nhiều lĩnh vực.

1- Về kinh tế

- Nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng

Tốc độ tăng trưởng GDP năm sau cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm 2001 - 2005 đạt 11,55%/năm, trong đó công nghiệp - xây dựng tăng 18,13%; nông, lâm nghiệp 8,4%; dịch vụ 13,42%; quy mô nền kinh tế gấp 2 lần so với năm 2000. Hầu hết các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đều đạt và vượt mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, như GDP bình quân đầu người, sản lượng lương thực, tỷ lệ huy động GDP

vào ngân sách, xã có điện và số hộ sử dụng điện, đường ô tô đến trung tâm xã, hộ đói nghèo, huy động trẻ em đến trường, phổ cập trung học cơ sở, số lao động được giải quyết việc làm...

Trên cơ sở điều chỉnh cơ cấu đầu tư và phát huy lợi thế so sánh của từng vùng, từng ngành, cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng của GDP công nghiệp - xây dựng từ 17,9% năm 2000, tăng lên 23,9% năm 2005; dịch vụ từ 24,3% lên 27,6%; nông lâm nghiệp từ 57,8% giảm xuống còn 48,5%.

Diện tích nhiều loại cây trồng đạt và vượt chỉ tiêu đề ra; cơ cấu cây trồng chuyển đổi nhanh theo hướng sản xuất tập trung chuyên canh, gắn với công nghiệp chế biến; tỷ trọng chăn nuôi tăng khá; diện tích rừng trồng mới và giao khoán quản lý bảo vệ rừng đạt và vượt mục tiêu, độ che phủ 58,9%; sản lượng gỗ khai thác từ rừng tự nhiên giảm, từ rừng trồng tăng. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2005 gấp 2,55 lần năm 2000, tăng bình quân 20,6%/năm. Ngành công nghiệp, nhất là công nghiệp Trung ương trên địa bàn ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, trong đó các ngành chế biến nông - lâm sản, điện, vật liệu xây dựng tăng nhanh. Đã hình thành một số khu, cụm công nghiệp và gắn nhà máy với vùng nguyên liệu có tác dụng thúc đẩy, hỗ trợ nông nghiệp - nông thôn và lưu thông hàng hoá phát triển. Đưa vào sử dụng nhiều cơ sở sản xuất công nghiệp có quy mô khá với công nghệ phù hợp, như Nhà máy ván sợi MDF, nhà máy chế biến hạt tiêu, hạt điều, bông xơ, sản xuất vật liệu xây dựng, thủy điện...

Các ngành dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng... phát triển đa dạng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của xã hội.

- Thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế được chú trọng

Việc sắp xếp, đổi mới kinh tế quốc doanh đạt kết quả bước đầu. Khu vực kinh tế tư nhân, kinh tế hộ gia đình ngày càng chiếm tỷ trọng cao và có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo. Kinh tế hợp tác, hợp tác xã có bước phát triển; các hợp tác xã được củng cố và tổ chức theo mô hình kiểu mới, hoạt động sản xuất kinh doanh bước đầu đạt kết quả, đã giải quyết việc làm cho hơn 20 ngàn lao động, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 30%.

- Đầu tư toàn xã hội tăng nhanh, cơ cấu đầu tư được điều chỉnh nhằm khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, từng ngành

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội liên tục tăng qua các năm. Tổng vốn đầu tư trong 5 năm 2001 - 2005 là 13.045 tỷ đồng, tăng 57,7% so với giai

đoạn 1996 - 2000. Cơ cấu đầu tư chuyển dịch theo hướng tăng tỉ trọng cho ngành công nghiệp và dịch vụ. Tỷ trọng vốn tín dụng và vốn của dân trong cơ cấu nguồn vốn đầu tư tăng nhanh, hiệu quả đầu tư được nâng lên.

Nhiều công trình xây dựng được đưa vào sử dụng đã góp phần tăng năng lực sản xuất và làm thay đổi khá nhanh bộ mặt đô thị và nông thôn, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Kết cấu hạ tầng như giao thông, điện, bưu chính viễn thông, thủy lợi, nước sinh hoạt được quan tâm đầu tư, góp phần thúc đẩy sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân. Đến nay, 100% tuyến đường từ tỉnh đến huyện được rải nhựa, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã; 100% số xã và gần 90% số thôn, làng có điện, hơn 80% số hộ sử dụng điện (trong đó có 62,6% số hộ đồng bào DTTS); 52% số dân nông thôn được dùng nước sạch; sử dụng điện thoại tăng bình quân đạt 7 máy/100 dân.

Môi trường đầu tư được cải thiện, việc thu hút vốn đạt kết quả bước đầu. Một số dự án đã và đang triển khai, một số doanh nghiệp đăng ký đầu tư vào các lĩnh vực khai thác tiềm năng của tỉnh, nhất là thủy điện, trồng rừng, chăn nuôi, khai thác chế biến nông - lâm sản, vật liệu xây dựng, các khu đô thị mới, nhà cao tầng, siêu thị ...

Chủ trương vừa đầu tư phát triển các vùng kinh tế động lực vừa quan tâm đến vùng sâu, vùng còn khó khăn đã đưa các vùng này phát triển, giảm dần khoảng cách giữa các vùng, từng bước nâng cao đời sống nhân dân.

- Hoạt động tài chính, ngân hàng có nhiều tiến bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tăng từ 276 tỷ đồng năm 2000, lên 750 tỷ năm 2005, tăng bình quân 21,9%/năm; tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách bình quân đạt 11,4%/năm. Tổng chi ngân sách năm 2005 gấp 2,89 lần so với 2000, tăng bình quân 20,2 %/năm, đảm bảo các khoản chi thường xuyên và tăng chi cho đầu tư phát triển; đến năm 2005, chi cho đầu tư phát triển chiếm 33% trong tổng chi ngân sách tỉnh. Việc thực hiện công khai, minh bạch trong phân bổ, cấp phát chi tiêu đã tăng tính chủ động, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong quản lý và điều hành ngân sách.

Mạng lưới các chi nhánh ngân hàng thương mại tiếp tục được mở rộng, chất lượng hoạt động có nhiều tiến bộ, vốn huy động tăng bình quân 21,3%, tổng dư nợ cho vay tăng 23,7%/năm.

2- Sự nghiệp văn hoá - xã hội có nhiều tiến bộ, những vấn đề xã hội bức xúc được quan tâm giải quyết

- Sự nghiệp giáo dục, đào tạo đạt nhiều kết quả

Quy mô giáo dục tăng nhanh, chất lượng giáo dục được nâng lên. Đã tập trung nhiều nguồn vốn cho xây dựng trường lớp, đầu tư trang thiết bị dạy - học và nhà ở cho giáo viên. Đội ngũ giáo viên từng bước được chuẩn hóa và tăng cường, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu dạy và học; tỷ lệ huy động trẻ trong độ tuổi đi học đều tăng qua các năm; xã hội hoá giáo dục ngày càng được quan tâm. Toàn tỉnh cứ 3,4 người dân có 1 người đi học; đến cuối năm 2005, có 50% số xã phổ cập trung học cơ sở; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 18%.

- Hoạt động khoa học và công nghệ được quan tâm

Mức chi cho sự nghiệp khoa học - công nghệ năm 2005 tăng 2,4 lần so với năm 2000 (tăng bình quân 19,3%/năm). Nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội được quan tâm nghiên cứu, nhất là về nông nghiệp, văn hoá truyền thống của các dân tộc. Đầu tư nhiều máy móc thiết bị, từng bước phát huy hiệu quả trong sản xuất; năng suất, chất lượng cây trồng, vật nuôi tăng khá; cơ giới hoá nông nghiệp phát triển nhanh.

- Hoạt động phòng chống dịch bệnh và chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân có nhiều tiến bộ

Cơ sở khám chữa bệnh được củng cố, tăng cường cả về cơ sở vật chất và đội ngũ y, bác sỹ. Đến nay toàn tỉnh có 3,6 bác sĩ/1 vạn dân; 100% số xã và 94,2% thôn, làng có nhân viên y tế, tăng 12% so với năm 2000, 100% phòng khám khu vực và 30% số xã, phường, thị trấn có bác sỹ. Các chương trình quốc gia về y tế được triển khai có kết quả; số người mắc bệnh sốt rét, phong, bấu cổ, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm nhanh. Đã cơ bản xoá mù loà cho nhiều đối tượng, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo; nạn nhân chất độc da cam và người tàn tật được quan tâm chăm sóc.

- Hoạt động văn hoá thông tin, thể dục thể thao được quan tâm và mở rộng

Chương trình đưa văn hoá thông tin về cơ sở được tăng cường; chú trọng nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn, phát huy bản sắc văn hoá các dân tộc. Phong trào quần chúng tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao có bước phát triển. Cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được đẩy mạnh, mang lại kết quả thiết thực.

Báo Đảng địa phương phát hành rộng rãi, đáp ứng tốt hơn việc đưa thông tin về cơ sở. Đài phát thanh truyền hình tỉnh và các huyện đã tăng thời lượng chương trình phát thanh - truyền hình tiếng Jrai và Bahnar; tỷ lệ phủ sóng phát thanh đạt 100%, truyền hình đạt 90%. Nội dung chất lượng các loại hình thông tin báo chí cải tiến theo đúng định hướng. Đã có 161 điểm bưu điện văn hóa xã, 100% số xã có báo đọc trong ngày.

- Đòi sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện và nâng lên trên nhiều mặt

Cơ bản không còn hộ đói, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ 21,5% năm 2000 xuống còn dưới 10% năm 2005 (theo tiêu chí cũ); định canh, định cư được củng cố và tăng cường.

Triển khai các chương trình mục tiêu Quốc gia đạt kết quả thiết thực. Mức sống của các đối tượng chính sách xã hội được cải thiện và nâng lên.

Việc thực hiện chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo đã được chú trọng hơn, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố niềm tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước; góp phần ngăn chặn, hạn chế luận điệu xuyên tạc, kích động, vu cáo của các thế lực thù địch và bọn phản động.

3- Quốc phòng - an ninh cơ bản ổn định; trật tự an toàn xã hội được giữ vững

Đã phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh cơ bản, liên hoàn, vững chắc; an ninh biên giới được giữ vững. Đã coi trọng phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh. Tập trung chỉ đạo xây dựng tiềm lực quốc phòng, xây dựng các cơ quan quân sự, đơn vị thường trực, lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên vững về chính trị; đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động, khả năng sẵn sàng chiến đấu và hợp đồng tác chiến giữa các lực lượng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục quốc phòng toàn dân được quan tâm; ý thức độc lập, tự chủ, tinh thần cảnh giác cách mạng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được nâng lên; nguồn lực huy động cho nhiệm vụ quốc phòng được đảm bảo.

Công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự xã hội đạt nhiều kết quả quan trọng. Chúng ta ngày càng nắm chắc tình hình, nên đã chủ động hơn trong phát hiện và ngăn chặn có hiệu quả ý đồ kích động, lôi kéo quần chúng gây bạo loạn, phá rối an ninh của bọn phản động. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh văn hoá tư tưởng được chú trọng. Thực lực chính trị ở cơ sở được củng cố; nhận thức của nhân dân về bản chất phản động của bọn FULRO ngày càng rõ hơn; niềm tin của nhân dân đối với Đảng, chính quyền các cấp được nâng lên.

Tình hình an ninh chính trị trên địa bàn tỉnh đã và đang đi dần vào ổn định, lòng dân yên hơn. Công tác đảm bảo an ninh nông thôn, phòng chống tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội được triển khai đồng bộ, tích cực và có hiệu

quả; đã kiềm chế sự gia tăng của các loại tội phạm, tai nạn giao thông, tệ nạn xã hội, giải toả tâm trạng bản khoăn, lo lắng trong nhân dân.

4- Xây dựng hệ thống chính trị được chú trọng, có những chuyển biến cơ bản trên nhiều mặt

- Công tác xây dựng Đảng được quan tâm đúng mức

Xây dựng Đảng về tư tưởng - chính trị được tăng cường. Các cấp uỷ đảng đã tổ chức tốt việc học tập, quán triệt Nghị quyết, Chỉ thị, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước gắn với xây dựng và triển khai chương trình, kế hoạch của cấp mình. Chủ động hơn trong tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về công cuộc đổi mới và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Chú trọng xây dựng, củng cố đội ngũ báo cáo viên; đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền giáo dục và biên soạn tài liệu phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Những hoạt động tích cực của các cấp, các ngành trong công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng đã giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu đúng hơn đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và truyền thống tốt đẹp của nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Từ đó nhận rõ hơn thời cơ, thách thức và âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch và bọn phản động FULRO; nêu cao ý thức cảnh giác cách mạng, khơi dậy và phát huy năng lực sáng tạo của nội bộ và nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Đã chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, nhất là cấp cơ sở. Các tổ chức đảng ngày càng phát huy vai trò hạt nhân lãnh đạo, chỉ đạo và quyết định những vấn đề trọng yếu; tập trung sức lực, trí tuệ để lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị. Giữ vững nguyên tắc sinh hoạt đảng ở từng cấp, từng tổ chức Đảng; bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất theo nguyên tắc tập trung dân chủ, khắc phục dần tình trạng bao biện, làm thay, quan liêu xa dân hoặc buông lỏng lãnh đạo; phát huy vai trò chủ động của các cơ quan Nhà nước trong quản lý và điều hành theo pháp luật; tính tích cực, sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể và nhân dân trong công tác xây dựng Đảng.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng có nhiều chuyển biến. Năm 2004 có 62,2% tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, tăng 13,5%; 35,4% hoàn thành nhiệm vụ, giảm 8,3%; 2,3% yếu kém, giảm 4% so với năm 2000. Tỉnh đã đề ra nhiều chủ trương, giải pháp xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, như Chương trình thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết về công tác cán bộ của hệ thống chính trị cấp xã, phường, thị trấn. Công tác phân

loại đảng viên được chặt chẽ, sát đúng hơn; chất lượng nâng lên qua từng năm, trong đó năm 2004 có 72,9% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, 25,8% hoàn thành nhiệm vụ, 1,3% vi phạm tư cách. Công tác phát triển đảng viên gắn với “xoá” thôn, làng chưa có đảng viên được coi trọng, bảo đảm nguyên tắc, tiêu chuẩn, đồng thời vận dụng phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương. Trong nhiệm kỳ đã kết nạp hơn 6.000 đảng viên, trong đó chú ý lựa chọn, bồi dưỡng, kết nạp vào Đảng những quần chúng ưu tú là người dân tộc thiểu số, trong lực lượng vũ trang, trí thức để tạo nguồn cán bộ cho cơ sở.

Đã luân chuyển 137 cán bộ giữa các lĩnh vực công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể. Hầu hết số cán bộ luân chuyển đều phát huy tác dụng, góp phần vào việc đào tạo cán bộ toàn diện, phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng hơn, góp phần làm trong sạch đội ngũ cán bộ, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được thực hiện thường xuyên, góp phần đáng kể vào việc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, sa sút phẩm chất đạo đức và lối sống. Tiếp tục quán triệt và thực hiện các chương trình, kế hoạch về cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, thực hành tiết kiệm. Nhận thức của cán bộ và nhân dân về nguy cơ tham nhũng, lãng phí và công tác đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí; về xây dựng, chỉnh đốn Đảng đã có những chuyển biến tốt hơn. Các cấp uỷ đã chú trọng kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương; các chương trình kiểm tra của cấp uỷ đều được triển khai đúng tiến độ; trật tự kỷ cương chấp hành và chế độ trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị được nâng lên.

- Công tác xây dựng chính quyền có nhiều cố gắng, đạt những kết quả tích cực

Hội đồng nhân dân các cấp từng bước được củng cố về tổ chức, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện chức năng quyết định và giám sát thực thi pháp luật, hoạt động của các cơ quan Nhà nước và cán bộ công chức ở địa phương; các ban Hội đồng nhân dân hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Đã tập trung củng cố, kiện toàn Uỷ ban nhân dân các cấp; sắp xếp tổ chức bộ máy một số sở, ngành; ổn định bộ máy hành chính các huyện, thị xã mới chia tách. Việc phân công, phân cấp cho các ngành, các địa phương được thực hiện đúng quy định; khoán chi hành chính và công khai việc phân bổ thu, chi ngân sách đã nâng cao trách nhiệm, thẩm quyền và tính chủ động của các cấp, các ngành và cơ sở. Cải cách thủ tục hành chính có bước tiến bộ, hầu hết

các sở, ngành và cấp huyện đã thực hiện cơ chế “một cửa”, tạo thuận lợi trong thực thi công vụ và rút ngắn thời gian giải quyết công việc.

Cải cách tư pháp đạt được một số kết quả bước đầu trong hoạt động tố tụng và củng cố, kiện toàn tổ chức, bộ máy và cán bộ; các cơ quan bảo vệ pháp luật có nhiều cố gắng, nâng cao được trách nhiệm, chất lượng và hiệu quả công tác.

- Quan tâm chăm lo chất lượng hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, sức mạnh đoàn kết các dân tộc được phát huy

Đã tăng cường lãnh đạo đổi mới nội dung, phương thức hoạt động Mặt trận và các đoàn thể, hướng mạnh về cơ sở. Công tác củng cố tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng hoạt động, thu hẹp cơ sở yếu kém, tập hợp quần chúng vào tổ chức và xây dựng lực lượng cốt cán của Mặt trận và các đoàn thể có nhiều tiến bộ.

Tập trung chỉ đạo củng cố và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân; ban hành nhiều Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch nhằm phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững và củng cố quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị. Triển khai có kết quả phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” và Quy chế dân chủ ở cơ sở. Toàn tỉnh có 394 thôn, làng, 72 khu phố văn hoá và 58.428 gia đình văn hoá.

Các chủ trương và giải pháp chỉ đạo đã cố gắng thể hiện được “ý Đảng lòng Dân”; khối đại đoàn kết toàn dân ngày càng được củng cố và mở rộng; truyền thống yêu nước, đoàn kết và cách mạng, lòng nhân ái, tính năng động sáng tạo trong các tầng lớp nhân dân được phát huy; ý thức tự lực tự cường trong xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị và xây dựng mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với dân được đề cao.

II- Những yếu kém, hạn chế

1- Kinh tế tăng trưởng chưa vững chắc, chất lượng và hiệu quả chưa cao; thu nhập bình quân đầu người còn thấp so với mức bình quân cả nước

Một số chỉ tiêu chủ yếu chưa đạt mục tiêu đề ra, như tốc độ tăng trưởng GDP, kim ngạch xuất khẩu, GDP bình quân đầu người (chỉ bằng 52% mức bình quân cả nước). Trình độ khoa học và công nghệ còn ở mức thấp, công tác quản lý chậm đổi mới; năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế cũng như trong từng sản phẩm còn thấp; nền kinh tế còn phụ thuộc khá nhiều vào đầu tư từ bên ngoài và điều kiện tự nhiên.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, chưa đồng đều giữa các vùng, các

ngành. Chăn nuôi chiếm tỉ trọng nhỏ, tỷ lệ lai tạo đàn bò đạt thấp. Tổ chức quản lý bảo vệ và khai thác rừng, đất rừng và tài nguyên rừng còn nhiều hạn chế. Thủy điện là lĩnh vực có tiềm năng lớn, nhưng chưa được khai thác đúng mức; công nghiệp cơ khí chậm phát triển, công nghệ lạc hậu. Tỷ lệ sản phẩm tinh chế và hàm lượng trí tuệ kết tinh trong sản phẩm còn thấp. Một số ngành dịch vụ tăng trưởng chậm, nhất là du lịch; kim ngạch xuất khẩu còn nhỏ bé.

Chưa quan tâm đúng mức đến hoạt động của các doanh nghiệp sau cổ phần hóa; một số doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, tài chính thiếu lành mạnh đã làm ảnh hưởng đến tiến độ sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp. Còn lúng túng trong việc đổi mới, phát triển kinh tế hợp tác và hợp tác xã. Kinh tế tư nhân tuy có phát triển, nhưng quy mô nhỏ và tự phát. Công tác xúc tiến đầu tư, thương mại, liên doanh, liên kết còn nhiều bất cập.

Chưa huy động tốt các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Hiệu quả đầu tư từ ngân sách Nhà nước còn thấp, tình trạng thất thoát, lãng phí khá phổ biến. Việc tranh thủ ngoại lực, nhất là thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và vốn ODA còn nhiều hạn chế. Môi trường và chính sách khuyến khích đầu tư chưa thực sự hấp dẫn.

2- Một số vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết

Chất lượng giáo dục chuyển biến chưa đều giữa các vùng; kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở chưa vững chắc; giáo dục mầm non trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số vừa thiếu vừa yếu. Việc tổ chức dạy và học chương trình song ngữ (chữ phổ thông và chữ Jrai, Bahnar) trong các trường tiểu học chậm được triển khai. Tỷ lệ lao động qua đào tạo và chất lượng nguồn nhân lực thấp. Còn nhiều thiếu thốn về cơ sở vật chất và đội ngũ y, bác sỹ, nhất là tuyến cơ sở. Kết quả công tác xóa đói giảm nghèo chưa vững chắc, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số ở mức cao, phân hoá giàu nghèo có xu hướng tăng. Thực hiện các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng còn bất cập; tiến độ giải quyết đất sản xuất, đất ở, nhà ở, nước sinh hoạt còn chậm.

3- Quốc phòng - an ninh còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định

Công tác giáo dục quốc phòng toàn dân chưa sâu rộng, một bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng còn mơ hồ, mất cảnh giác trước âm mưu “diễn biến hoà bình”, bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch và bản chất phản động của FULRO. Thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân ở một số nơi còn thấp so với yêu cầu; phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh chưa được chú trọng đúng mức. Chất lượng chính trị, độ tin cậy, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên chưa cao. Phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc còn hạn chế; cơ sở chính trị chưa vững chắc; các địa bàn trọng điểm phức tạp về an ninh

chậm được thu hẹp. Trong nhiệm kỳ đã xảy ra 2 lần bạo loạn chính trị, làm ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phải mất nhiều thời gian, công sức để củng cố, xây dựng.

4- Chất lượng công tác xây dựng hệ thống chính trị còn thấp

Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cán bộ đảng viên và tổ chức Đảng các cấp chưa theo kịp với yêu cầu của đời sống chính trị - xã hội. Nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa đủ sức giải quyết những vấn đề phức tạp nảy sinh ở cơ sở. Công tác phát triển đảng viên chưa đạt chỉ tiêu đề ra; hiện còn 126 thôn, làng và tổ dân phố chưa có đảng viên. Đội ngũ cán bộ nhìn chung còn thiếu và hạn chế về trình độ, năng lực thực tiễn. Tiến độ đào tạo đội ngũ cán bộ cơ sở chậm.

Một số cấp uỷ nhận thức chưa đầy đủ về yêu cầu và tầm quan trọng của công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Công tác kiểm tra đảng viên, tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm có nơi chưa được chú trọng đúng mức; tình trạng suy thoái về đạo đức; lối sống cơ hội, thực dụng, thiếu trung thực và tệ quan liêu, sách nhiễu dân trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn diễn ra khá nghiêm trọng; hiệu quả của công tác đấu tranh chống tham nhũng còn thấp, một số vụ việc đã phát hiện, xử lý nhưng chưa triệt để, nhân dân chưa đồng tình.

Hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Cải cách hành chính chậm, nhất là các thủ tục hành chính, tổ chức bộ máy chưa tinh gọn; một bộ phận cán bộ công chức yếu kém về trình độ chuyên môn và tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân. Ở nhiều nơi việc thực hiện Quy chế dân chủ còn hình thức, quyền làm chủ của cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được phát huy.

Nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chưa tương xứng yêu cầu nhiệm vụ. Hiệu quả tuyên truyền giáo dục còn hạn chế, thiếu sắc bén; chưa nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tâm trạng của nhân dân. Tỷ lệ tập hợp quần chúng vào tổ chức còn thấp, lực lượng nòng cốt mỏng; số đoàn viên, hội viên thực sự gắn bó với tổ chức chưa nhiều; còn 30 thôn, làng chưa có tổ chức Đoàn, Hội.

III- Đánh giá tổng quát

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, chúng ta đã đạt những thành tựu rất quan trọng, có ý nghĩa chính trị - xã hội. Đã chặn đà giảm sút tăng trưởng và duy trì tốc độ phát triển kinh tế khá, quy mô nền kinh tế gấp 2 lần năm 2000; cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, cơ cấu cây trồng, vật nuôi chuyển dịch đúng hướng; đã chú trọng khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, từng ngành; huy động tốt hơn các nguồn lực cho đầu tư phát triển; năng lực sản xuất và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được tăng cường. Các ngành, các vùng kinh tế đều phát triển, trước hết là các vùng kinh tế động lực.

Chất lượng giáo dục, khám chữa bệnh, thực hiện các chính sách xã hội, xoá đói giảm nghèo được quan tâm và có thêm nhiều thành tựu mới. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng tiếp tục được cải thiện.

Quốc phòng - an ninh cơ bản ổn định; lòng dân đã yên hơn sau những sự kiện chính trị - xã hội phức tạp.

Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên được tăng cường. Cuộc vận động xây dựng chính đốn Đảng có sự chuyển biến bước đầu. Hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp có nhiều tiến bộ. Mặt trận và các đoàn thể đã tập trung hướng về cơ sở; công tác phát triển đoàn viên, hội viên và tổ chức đoàn, hội ở thôn, làng được quan tâm; khối đại đoàn kết toàn dân tộc không ngừng được củng cố và phát huy.

Những thành tựu đạt được 5 năm qua có ý nghĩa quan trọng, là tiền đề để toàn Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ 5 năm tới.

Tuy vậy, tăng trưởng kinh tế, chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế chưa cao; thu nhập bình quân đầu người thấp. Phát triển giáo dục - đào tạo, văn hoá thông tin và y tế ở cơ sở chuyển biến chậm; chất lượng nguồn lực lao động còn thấp. Xoá đói giảm nghèo chưa vững chắc, phân hoá giàu nghèo có xu hướng tăng. An ninh chính trị còn tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp còn hạn chế; cải cách hành chính chậm, hiệu quả thấp; công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ còn bất cập; hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể còn nặng tính hành chính và chưa theo kịp với yêu cầu nhiệm vụ.

IV- Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

1- Nguyên nhân

a- Nguyên nhân thành tựu

- Là kết quả của sự đoàn kết, ý chí phấn đấu đổi mới, vươn lên vượt qua thách thức của Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý điều hành của chính quyền và sự phối hợp hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể các cấp.

- Sự tác động tích cực, sâu rộng từ các chính sách của Đảng, Nhà nước, đặc biệt là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị, Quyết định 168 của Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng an ninh vùng Tây Nguyên. Chính sách đổi mới của tỉnh bước đầu đã huy động được các nguồn lực cho phát triển.

- Xác định cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng vật nuôi đúng hướng; tập trung sức đầu tư có trọng điểm. Thành quả đầu tư toàn diện trong nhiều năm qua cả về cơ sở vật chất và nguồn nhân lực đã phát huy tác dụng.

- Xây dựng hệ thống chính trị, nhất là xây dựng Đảng được chú trọng; dân chủ trong nội bộ, sự đồng thuận trong xã hội và quyền làm chủ của nhân dân được phát huy. Ý thức trách nhiệm của cán bộ, đảng viên ngày càng được nâng lên.

b- Nguyên nhân của yếu kém, hạn chế

Về khách quan

- Các thế lực thù địch và bọn phản động FULRO đã và đang ra sức chống phá làm cho chúng ta phải tập trung thời gian, công sức giữ vững ổn định chính trị - xã hội; bên cạnh đó, sự yếu kém, hạn chế của nền kinh tế - xã hội có trình độ thấp, thời tiết diễn biến rất thất thường, giá cả một số mặt hàng thiết yếu tăng ... đã tác động tiêu cực đến môi trường đầu tư, ảnh hưởng đến tốc độ phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân.

- Địa bàn tỉnh rộng có ảnh hưởng đến công tác quản lý và sắp xếp đội ngũ cán bộ; dân số gia tăng ở mức cao, đã chi phối đến các chỉ tiêu thu nhập và mức sống của nhân dân.

Về chủ quan

- Tư duy ở một bộ phận cán bộ đảng viên trong Đảng bộ chậm đổi mới; thiếu chủ động sáng tạo trong đề ra các giải pháp có tính đột phá để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; một số công việc cụ thể phải chờ đợi để có sự thống nhất nội bộ, làm mất cơ hội; chỉ đạo thực hiện thiếu sâu sát, triển khai chưa đồng bộ, tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ đảng viên chưa cao.

- Công tác xây dựng Đảng, đặc biệt là nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức Đảng còn nhiều hạn chế. Hoạt động của chính quyền, Mặt trận và đoàn thể các cấp chưa ngang tầm với nhiệm vụ. Tâm lý tự ti, thụ động, ỷ lại, dựa dẫm vào cấp trên còn khá phổ biến. Một số cấp uỷ còn có biểu hiện buông lỏng vai trò lãnh đạo hoặc bao biện làm thay; cá biệt có trường hợp giảm sút ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm trước nhiệm vụ chính trị được giao.

- Công tác tổ chức cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu lực điều hành quản lý của bộ máy chính quyền; hiệu quả cải cách hành chính còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ đảng viên yếu kém về phẩm chất, đạo đức, lối sống và năng lực lãnh đạo, điều hành, thiếu gương mẫu, tiêu cực, quan liêu, thiếu trách nhiệm với nhân dân. Tệ nạn tham nhũng, lãng phí vẫn là vấn đề bức xúc hiện nay.

2- Bài học kinh nghiệm

- **Một là**, quán triệt và vận dụng sáng tạo các Nghị quyết, chủ trương chính sách của Đảng vào tình hình thực tế của địa phương. Đồng thời phải dám nghĩ, biết làm và dám chịu trách nhiệm; luôn nhạy bén với thực tiễn; tăng cường các biện pháp kiểm tra, chỉ đạo sát sao việc tổ chức thực hiện.

- **Hai là**, đổi mới đồng bộ, có kế thừa và sáng tạo; có nguyên tắc, bước đi, hình thức và cách làm phù hợp; phải vì lợi ích của dân, dựa vào dân và phù hợp với điều kiện và thực tiễn của tỉnh. Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và những nhân tố mới, mô hình tốt, điển hình tiên tiến; kịp thời tổng kết thực tiễn, đề ra chủ trương, chính sách đúng đắn để đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới.

- **Ba là**, huy động mọi nguồn lực vào công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hoá tỉnh nhà, chú ý lợi thế tự nhiên, truyền thống và nguồn lực con người của tỉnh; kết hợp việc phát huy nội lực với khai thác có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài, trong đó nội lực là quyết định.

- **Bốn là**, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện nghiêm tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết nội bộ. Kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng Đảng về tổ chức và cán bộ với yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và hoạt động của hệ thống chính trị.

- **Năm là**, trong lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh và hoạt động của các cấp, các ngành phải hướng về cơ sở; chống tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác, quan liêu, không sát cơ sở, không sát dân. Đồng thời, bản thân cơ sở phải tích cực, chủ động và tự tin trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, khắc phục sự tự ti, ỷ lại dựa dẫm vào cấp trên.

PHẦN THỨ HAI

Phương hướng nhiệm vụ, mục tiêu giai đoạn 2006 - 2010 và đến năm 2015

Bước vào thời kỳ phát triển mới, tỉnh ta đang đứng trước những thuận lợi, thời cơ lớn, nhưng cũng đối mặt với những khó khăn thách thức đan xen. Công cuộc đổi mới đất nước sau 20 năm đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử; thế và lực nước ta được nâng cao, hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng, tạo thuận lợi cho phát triển đất nước và tỉnh ta. Tuy nhiên tình hình thế giới và khu vực còn diễn biến phức tạp; các thế lực thù địch vẫn âm mưu đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Gia Lai sau nhiều năm tiến hành sự nghiệp đổi mới đã đạt được những thành tựu quan trọng trên nhiều lĩnh vực; đội ngũ cán bộ và nhân dân có thêm

kiến thức, kinh nghiệm thực hiện công cuộc đổi mới. Đó là những thuận lợi rất cơ bản cần được phát huy triệt để trong thời gian tới.

Nhưng Gia Lai vẫn còn là một tỉnh nghèo, khoảng cách về kinh tế - xã hội so với mức trung bình của cả nước chậm được thu hẹp. Sức cạnh tranh và khả năng hội nhập của nền kinh tế còn kém; quốc phòng - an ninh còn tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định. Trình độ dân trí thấp, năng lực của đội ngũ cán bộ chưa theo kịp yêu cầu nhiệm vụ. Hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm giai đoạn cách mạng mới. Đó là thách thức lớn đòi hỏi Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh phải ra sức phấn đấu, quyết tâm vượt qua để tiến lên.

I- Phương hướng, nhiệm vụ tổng quát

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng và đảng viên; phát huy dân chủ, xây dựng chính quyền, mặt trận và các đoàn thể vững mạnh toàn diện; tiếp tục đổi mới mạnh mẽ và đồng bộ; khai thác tiềm năng lợi thế, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tạo sự phát triển năng động, với tốc độ tăng trưởng cao và bền vững; cải thiện rõ nét đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần các tầng lớp nhân dân, phấn đấu để sớm trở thành một tỉnh giàu về kinh tế, vững mạnh về quốc phòng - an ninh, chính trị ổn định, văn hóa - xã hội phát triển, phồn vinh.

II- Mục tiêu của giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2015

1- Mục tiêu chủ yếu của giai đoạn 2006 - 2015

Trong lúc vẫn tiếp tục coi trọng phát triển nông - lâm nghiệp theo hướng kết hợp giữa mở rộng qui mô với nâng cao chất lượng cây trồng, vật nuôi, phát triển mạnh thủy lợi, thì đồng thời chuyển trọng tâm đầu tư vào khu vực công nghiệp và dịch vụ mà hướng đột phá là thủy điện, chế biến nông - lâm sản, các ngành dịch vụ có lợi thế so sánh gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, tạo việc làm, từng bước cải thiện đời sống nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số.

Phấn đấu đạt mức tăng trưởng GDP bình quân 12,5%/năm giai đoạn 2006 - 2015. Đến năm 2015, GDP bình quân đầu người gấp 2,2 lần so với năm 2010.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - xây dựng, dịch vụ, nông - lâm nghiệp với tỉ trọng tương ứng là 37%, 30% và 33%. Tạo được chuyển biến mạnh mẽ trong việc xây dựng nền tảng văn hóa, cải thiện đáng kể các mặt về giáo dục, chăm sóc sức khỏe, tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển mạng lưới an sinh xã hội, đào tạo nguồn nhân lực và hưởng thụ văn hoá của nhân dân. Cơ bản không còn hộ nghèo, giảm dần chênh lệch về mức sống

giữa các tầng lớp dân cư. Phần đầu đề sau năm 2015 thoát khỏi tình nghèo và đạt được mức trên trung bình của cả nước.

Quốc phòng - an ninh được giữ vững và tăng cường, chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định. Củng cố, phát huy và tăng cường khối đại đoàn kết giữa các dân tộc.

Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng, đáp ứng yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành của chính quyền, vai trò tập hợp và vận động quần chúng của Mặt trận và các đoàn thể; phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

2- Mục tiêu chủ yếu của giai đoạn 2006 - 2010

Phần đầu đến năm 2010 tăng nhanh về qui mô, tốc độ phát triển, chất lượng, hiệu quả nền kinh tế; các vấn đề xã hội bức xúc căn bản được giải quyết; an ninh chính trị ổn định; hệ thống chính trị cơ sở cơ bản không còn yếu kém; đào tạo được đội ngũ cán bộ cơ sở đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Từng bước thu hẹp khoảng cách GDP bình quân đầu người so với mức trung bình của cả nước. Phần đầu đạt mức tăng trưởng GDP hàng năm từ 12,5% trở lên, trong đó: nông lâm nghiệp tăng 7,7%, công nghiệp - xây dựng tăng 19%, dịch vụ tăng 14,5%. Đến năm 2010, GDP bình quân đầu người gấp 2,14 lần năm 2005.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế để đến năm 2010, nông - lâm nghiệp chiếm 38%, công nghiệp - xây dựng 31,5%, dịch vụ 30,5%. Bình quân tăng thu ngân sách hằng năm 18,5% và nâng dần khả năng tự cân đối ngân sách từ nguồn thu trên địa bàn; tăng chi cho đầu tư phát triển và sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các ngành dịch vụ và xuất khẩu, tổng kim ngạch xuất khẩu 5 năm đạt 465 triệu USD, tăng bình quân 22%/năm và đạt 130 triệu USD vào năm 2010. Tiếp tục đổi mới cơ chế chính sách để huy động vốn đầu tư toàn xã hội, cả trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Điều chỉnh cơ cấu đầu tư theo hướng phục vụ yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng cho các lĩnh vực xã hội, các vùng, các ngành có lợi thế.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, đời sống để đến năm 2010 trình độ công nghệ đạt mức trung bình của cả nước. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và các cơ quan nghiên cứu - triển khai, trước hết cho các ngành, lĩnh vực then chốt. Tăng cường quản lý và khai thác hợp lý, có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên; nâng độ che phủ của rừng và cây lâu năm lên 65%; xử lý nước thải, rác thải ở các đô thị, khu công nghiệp để ngăn

chặn tình trạng ô nhiễm môi trường; xây dựng nếp sống vệ sinh, văn hóa ở đô thị và nông thôn.

Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên xuống còn 1,5%. Hàng năm giải quyết việc làm cho 2 vạn lao động; nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên trên 27%. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị xuống dưới 3%; tăng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở nông thôn lên 85% .

Không còn hộ đói, phấn đấu giảm tỉ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 19% (theo tiêu chí mới). Cải thiện điều kiện ăn ở, lao động, học tập, chăm sóc sức khỏe và từng bước nâng cao mức hưởng thụ văn hoá của nhân dân, nhất là vùng nông thôn, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao dân trí và chất lượng giáo dục, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, chú trọng nhân lực có trình độ cao, cán bộ quản lý giỏi, công nhân lành nghề. Huy động hầu hết số trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến lớp, hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Nâng cao thể lực và tuổi thọ cho nhân dân, không chế các dịch bệnh nguy hiểm, trên 95% trẻ em được tiêm chủng mở rộng, 100% trung tâm cụm xã có phòng khám và 60% số xã có bác sĩ; giảm tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống dưới 25%. Mật độ điện thoại đạt 14 máy/100 dân; trên 95% dân số được xem truyền hình; 95% số làng và trên 90% số hộ sử dụng điện; 80% dân cư nông thôn và 90% dân cư đô thị dùng nước sạch; 100% số làng và 95% số hộ đồng bào dân tộc thiểu số định canh, định cư bền vững.

Tăng cường củng cố tiềm lực quốc phòng và an ninh, giữ vững ổn định chính trị; kiểm chế và đẩy lùi các loại tội phạm nguy hiểm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông. Liên tục tấn công làm tan rã về tổ chức và tư tưởng của bọn phản động; chủ động xử lý các tình huống phức tạp về an ninh chính trị, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới Quốc gia.

Tạo chuyển biến mới trong công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu, đổi mới phương thức lãnh đạo của tổ chức Đảng. Nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước gắn với công tác cán bộ và cải cách hành chính. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, khắc phục bệnh hình thức, hành chính hóa để hướng mạnh về cơ sở; nâng cao hiệu quả công tác vận động quần chúng, phát huy tính tự giác của nhân dân trong tham gia các phong trào ở cơ sở. Đến năm 2010, các thôn, làng đều có đảng viên và cơ bản có tổ chức Đảng. Số tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt trên 60%, yếu kém dưới 2%, số đảng viên đủ tư cách hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 80%; kết nạp đảng viên hàng năm tăng 8%.

Để đảm bảo sự phát triển cao, bền vững, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế trong điều kiện hội nhập cần phải xây dựng một số chương trình như sau:

- Chương trình hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, phát triển ngành chăn nuôi.
- Chương trình đẩy mạnh xã hội hóa ở lĩnh vực xã hội.
- Chương trình xây dựng các khu đô thị mới, các cao ốc văn phòng, các siêu thị qui mô lớn.
- Chương trình hỗ trợ khu vực công nghiệp và dịch vụ, hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ đẩy mạnh xuất khẩu.
- Chương trình cải cách hành chính; đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực điều hành và thực thi công vụ, chống sự ỷ lại và sức ỳ trong bộ máy công quyền.
- Chương trình xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở.

Những chương trình trên đây phải được thể chế hóa bằng các nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIII, nhằm tạo thêm đòn bẩy, động lực và năng lực mới để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trong 5 năm đến một cách toàn diện.

III- Định hướng và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế chủ yếu

1- Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống nông dân

Phát triển nhanh sản xuất nông nghiệp hàng hoá, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, chú trọng đầu tư chiều sâu các vùng sản xuất tập trung với cơ cấu cây trồng, vật nuôi hợp lý gắn với công nghiệp chế biến và thị trường để khai thác hiệu quả lợi thế so sánh của từng vùng, từng sản phẩm. Đẩy mạnh công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và có chính sách khuyến khích, ưu đãi để các thành phần kinh tế đầu tư vào nông - lâm nghiệp.

Xây dựng nền nông nghiệp phát triển hiệu quả, bền vững và hướng về xuất khẩu. Đến năm 2010, sản lượng lương thực đạt 59,5 vạn tấn, lương thực bình quân đầu người 460kg/năm, đảm bảo an ninh lương thực kể cả vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tập trung đầu tư và khai thác có hiệu quả các công trình thuỷ lợi, đưa diện tích lúa nước 2 vụ đạt trên 24.000 ha; đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, các biện pháp thâm canh, sử dụng giống mới, chất lượng cao. Tiếp tục trồng mới 1 vạn ha cao su ở những nơi có điều kiện; đầu tư thâm canh và ổn định 70.000 ha cà phê gắn với công nghệ sau thu hoạch để nâng cao chất lượng sản phẩm. Trồng mới và tiếp tục cải tạo giống điều, đưa diện tích điều lên 22.000 ha; ổn định diện tích hồ tiêu 3.400 ha; thâm canh và trồng mới để có 1.500 ha chè có năng suất cao; đưa diện

tích bông lên 10.000 ha; áp dụng tiến bộ kỹ thuật để rải vụ, nâng cao năng suất và diện tích mía lên 16.000 ha; bổ sung qui hoạch và phát triển vùng thuốc lá nguyên liệu lên 5.000 ha.

Phát triển mô hình chăn nuôi trang trại theo hướng công nghiệp, tạo tiền đề phát triển công nghiệp chế biến súc sản, thuộc da. Đẩy mạnh chương trình “lai hoá đàn bò, nạc hoá đàn heo”, đến năm 2010, tỷ lệ bò lai đạt trên 40%, tỷ lệ nạc hoá đàn heo trên 30%; khuyến khích phát triển nuôi trồng thủy sản; phát triển mạnh nghề nuôi ong...

Quản lý bảo vệ diện tích rừng hiện có, trồng mới 30.000 ha, khoanh nuôi tái sinh khoảng 66.000 ha. Hoàn thành cơ bản việc giao đất, giao rừng và khoán bảo vệ rừng gắn với sắp xếp lại các lâm trường quốc doanh và nâng thu nhập người nhận khoán. Rà soát quỹ đất, chuyển một số diện tích rừng nghèo kiệt sang trồng cây công nghiệp và trồng rừng để thu hút đầu tư trồng rừng, giải quyết nguyên liệu cho các nhà máy. Có chính sách ưu đãi trong việc giao đất cho các tổ chức, cá nhân đầu tư trồng rừng; đồng thời đấu tranh, xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm Luật Bảo vệ và phát triển rừng.

Mở rộng các vùng sản xuất nông sản hàng hoá tập trung, tạo điều kiện đẩy mạnh phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến nông - lâm sản; khôi phục và phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp truyền thống, ngành dịch vụ thương mại, tín dụng và dịch vụ ở nông thôn.

Ưu tiên nguồn vốn ngân sách và có cơ chế huy động sức dân, lồng ghép nhiều chương trình đầu tư để phát triển thủy lợi, nhất là thủy lợi nhỏ, điện khí hoá, cơ giới hoá và giao thông nông thôn. Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường để hướng dẫn, hỗ trợ nông dân lựa chọn phương án sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

2- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp để thực hiện mục tiêu công nghiệp hoá - hiện đại hoá

Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh và còn nhiều tiềm năng như thủy điện, chế biến nông - lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng, khai khoáng... Thực hiện tốt công tác khuyến công và có chính sách phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn. Phân đấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 20%/năm.

Tiếp tục đổi mới và thực hiện các chính sách ưu đãi nhằm huy động ngày càng nhiều nguồn vốn cho đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ và vừa, kết hợp phát triển thủy điện với thủy lợi, du lịch.

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản gắn với vùng nguyên liệu và xuất khẩu, trong đó tập trung vào các sản phẩm như cao su, cà phê, điều, tinh bột sắn, gỗ tinh chế, sản phẩm chăn nuôi ... Kết hợp

nhều loại quy mô, trình độ công nghệ với sự tham gia của các thành phần kinh tế.

Đầu tư chiều sâu các cơ sở công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng đã có; xây dựng mới nhà máy gạch Tuynel ở Đak Pơ, Ayun Pa; tăng năng lực chế biến đá granít, đá bazan, xi măng, vật liệu phụ gia trong công nghiệp.

Khuyến khích đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ các cơ sở công nghiệp cơ khí hiện có để đủ năng lực tham gia trang bị, sửa chữa máy móc, công cụ lao động cho các ngành kinh tế, phục vụ cơ giới hoá nông nghiệp, chế biến nông - lâm sản.

Ưu tiên đầu tư xây dựng mở rộng khu công nghiệp Trà Đa để thu hút các doanh nghiệp có trình độ công nghệ cao. Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp Nam Hàm Rồng, phát triển các cụm công nghiệp Diên Phú (Pleiku), Chư Păh, Chư Sê, An Khê, Ayun Pa, Krông Pa. Hình thành khu công nghiệp Tây Pleiku để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

3- Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Huy động nguồn lực của các thành phần kinh tế cho đầu tư phát triển. Cùng với Trung ương sớm hoàn thành việc nâng cấp Quốc lộ 19, 14, 14C, xây dựng đường Trường Sơn Đông, hoàn thành xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn tránh qua thành phố Pleiku; mở rộng và xây dựng đường tránh qua các thị xã, thị trấn. Tiếp tục nhựa hoá và mở rộng các tuyến tỉnh lộ, một số đoạn có mật độ giao thông cao; nâng cấp đường 670 theo tiêu chuẩn cấp III miền núi; rải mặt cấp phối và nhựa hoá một số tuyến liên xã; sửa chữa nâng cấp và mở mới các tuyến đường nội thành, nội thị. Tiếp tục thực hiện chương trình bê tông hoá đường giao thông nông thôn.

Sớm hoàn thành công trình thuỷ lợi Ia Mlah, hồ Ia Dreh, hồ Tân Sơn. Thúc đẩy triển khai các công trình thuỷ lợi lớn như Ia Tul, suối HLơ, Ia Mơr, Ia Lâu. Tiếp tục đầu tư xây dựng mới một số công trình vừa và nhỏ.

Mở rộng mạng lưới điện trung, hạ thế và chương trình điện khí hoá nông thôn; đến năm 2010 tất cả các xã có điện lưới, 95% số hộ được dùng điện. Cải tạo nâng cấp và xây dựng lưới điện các đô thị, đảm bảo phụ tải cho từng thời kỳ phát triển.

Xây dựng và phát triển mạng bưu chính - viễn thông theo hướng hiện đại, đồng bộ, cung cấp đa dạng các dịch vụ chất lượng cao. Tăng cường phát triển bưu cục, đại lý, điểm bưu điện, bưu điện văn hoá xã.

Nâng cấp và xây dựng mới hệ thống cung cấp nước sinh hoạt để đến năm 2010 có 90% dân cư đô thị được dùng nước máy, 80% dân cư nông thôn được dùng nước sạch.

4- Về tài chính - tín dụng

Hoạt động tài chính Nhà nước phải nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tăng nguồn thu, chống thất thu để nâng dần tỷ lệ tự cân đối ngân sách. Đảm bảo các nhu cầu chi thường xuyên, nhất là chi cho giáo dục, y tế, khoa học - công nghệ, quốc phòng - an ninh. Mở rộng hoạt động các ngân hàng thương mại, tăng khả năng huy động vốn, doanh số cho vay, dư nợ và các tiện ích phục vụ khách hàng, đáp ứng yêu cầu đầu tư, tăng trưởng kinh tế.

5- Phát triển các ngành dịch vụ

Mở rộng các hình thức hợp tác, liên kết, liên doanh; thúc đẩy lưu thông hàng hóa, tăng sức mua và mở rộng thị trường, nhất là thị trường xuất khẩu. Cung ứng các mặt hàng thiết yếu, mặt hàng chính sách, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và phục vụ đời sống nhân dân.

Tăng cường dự báo và phân tích, đánh giá thị trường; hỗ trợ thông tin, xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại cho các doanh nghiệp. Phấn đấu đưa tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ trên thị trường tăng bình quân 16%/năm. Tăng cường công tác quản lý thị trường, hướng dẫn các thành phần kinh tế hoạt động đúng pháp luật, chống gian lận thương mại, trốn lậu thuế.

Chú trọng đẩy mạnh xuất khẩu và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu, mở rộng thị trường.

Phát triển khu kinh tế cửa khẩu Đức Cơ thành khu kinh tế cửa khẩu quốc tế và đô thị biên giới, là đầu mối giao lưu kinh tế của các tỉnh Tây Nguyên, duyên hải miền Trung với Campuchia. Có chính sách ưu đãi và thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu để thúc đẩy hợp tác thương mại giữa Gia Lai với các tỉnh vùng Đông Bắc Campuchia; thực hiện tốt chương trình hợp tác với các nước Campuchia, Lào trong tam giác phát triển.

Phát triển mạnh các hoạt động du lịch, như du lịch lễ hội truyền thống, du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng, tham quan nghiên cứu... Có chính sách ưu đãi và kêu gọi các nhà đầu tư xây dựng và kinh doanh du lịch ở Pleiku, Chư Păh, An Khê, Đak Pơ, Mang Yang, Chư Sê, KBang, Ayun Pa. Tăng cường liên kết giữa mạng lưới du lịch Gia Lai với hệ thống du lịch trong nước và quốc tế; nâng cao chất lượng quảng bá, xúc tiến du lịch để doanh thu du lịch tăng bình quân trên 12%/ năm.

Tăng nhanh khối lượng và chất lượng, đảm bảo an toàn trong vận tải hành khách, hàng hoá. Quy hoạch, đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bến xe, hệ thống điểm dừng đỗ, đón trả khách và bãi đỗ xe tại các đô thị. Tổ chức vận tải hành khách bằng xe buýt ở Thành phố Pleiku và thị xã An Khê; phát triển vận tải phục vụ nông nghiệp nông thôn. Đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ tổng hợp như tài chính, bảo hiểm, bưu chính viễn thông, tư vấn, chuyên giao công nghệ.

Hoạt động ngân hàng phải góp phần tích cực mở rộng thị trường vốn, phát triển các dịch vụ tiện ích phục vụ yêu cầu đa dạng của nhân dân; nâng cao hiệu quả kinh doanh của các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng. Phấn đấu huy động vốn tại chỗ tăng bình quân 15%/năm, tổng dư nợ cho vay tăng bình quân 20%/năm. Chuyển dịch cơ cấu vốn tín dụng theo hướng mở rộng đầu tư cho kinh tế dân doanh và nâng cao tỷ lệ đầu tư cho các ngành công nghiệp, dịch vụ.

6- Thực hiện chính sách phát triển các thành phần kinh tế

Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, xây dựng và thực hiện qui chế kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan Nhà nước và xã hội, đảm bảo cho các doanh nghiệp hoạt động thuận lợi.

Khuyến khích và hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã; củng cố và mở rộng phạm vi hoạt động của các hợp tác xã. Khuyến khích phát triển các hình thức liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, kinh tế hộ.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế phát triển, không hạn chế về quy mô trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, xóa bỏ sự phân biệt giữa các thành phần kinh tế, tôn vinh những người sản xuất kinh doanh giỏi, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân có qui mô lớn và hoạt động đa lĩnh vực, tham gia hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Tạo môi trường thuận lợi, chính sách cơ chế hấp dẫn, đảm bảo lợi ích của các nhà đầu tư và điều kiện thuận lợi để kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài phát triển; hướng các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành sản xuất sản phẩm xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút công nghệ hiện đại để tăng khả năng cạnh tranh, tạo thêm nhiều việc làm.

7- Định hướng phát triển các vùng trong tỉnh

- Vùng động lực

Bao gồm thành phố Pleiku, thị xã An Khê, huyện Ayun Pa và Chư Sê. Đây là các trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật và là đầu mối giao lưu giữa các vùng trong tỉnh, với các tỉnh, thành trong cả nước và quốc tế; cơ cấu kinh tế chủ yếu của vùng này là công nghiệp - thương mại và dịch vụ. Xây dựng thành phố Pleiku trở thành trung tâm chính trị, khoa học công nghệ, công nghiệp chế biến, dịch vụ thương mại; thị xã An Khê và Ayun Pa, Chư Sê trở thành các đô thị trung tâm của các huyện phía Đông, Đông Nam và phía Nam của tỉnh.

Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng, xây dựng các khu đô thị mới, các khu, cụm công nghiệp tập trung, từng bước di chuyển các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường vào các khu, cụm công nghiệp. Mở mới, nâng cấp các tuyến giao thông vành đai, hệ thống cung cấp điện, nước sinh hoạt, thoát nước, giao thông nội thị và vùng ven. Phát triển các cơ sở công nghiệp chế biến nông lâm sản, sản xuất hàng tiêu dùng, vật liệu xây dựng gắn với thị trường tiêu thụ, thu hút lao động tại chỗ. Phát triển các ngành dịch vụ ngày càng hiện đại; xây dựng các khu công viên theo qui hoạch.

- Vùng vành đai kinh tế

Bao gồm vùng vành đai của các vùng động lực gắn với thị trấn các huyện, các trục giao thông quan trọng, các vùng cây công nghiệp tập trung như Pleiku - Đak Đoa - Măng Yang, Pleiku - Chư Păh, Pleiku - Ia Grai, Pleiku - Chư Prông - Đứơc Cơ, Ia Grai - Chư Păh, Chư Sê - Chư Prông, An Khê - KBang - Kông Chro - Ia Pa, An Khê - Đak Pơ, Ayun Pa - Ia Pa - Krông Pa.

Nâng cấp kết cấu hạ tầng các thị trấn để trở thành những trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá, kỹ thuật của các huyện; là đầu mối giao lưu kinh tế - văn hoá xã hội giữa vùng động lực với vùng sâu, vùng xa. Phát huy tối đa lợi thế các trục giao thông, các vùng cây công nghiệp, cây lương thực gắn với xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ các nhà máy chế biến nông lâm sản. Chú trọng phát triển các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp quy mô nhỏ, các cơ sở khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng, các ngành dịch vụ tạo thêm việc làm.

- Vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trên diện tích canh tác. Đẩy mạnh các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và khuyến công giúp cộng đồng dân cư nâng cao trình độ sản xuất, phát triển ngành nghề. Nâng cao hiệu quả giao đất, giao rừng và khoán bảo vệ rừng, đẩy mạnh chăn nuôi bò, dê. Tiếp tục lồng ghép có hiệu quả nhiều nguồn vốn để đầu tư nâng cấp hệ thống giao thông nông thôn, điện, nước sinh hoạt, đất sản xuất, đất ở, nhà ở, trường lớp, khám chữa bệnh, văn hoá thể thao phục vụ nhu cầu của nhân dân.

IV- Định hướng và giải pháp phát triển văn hoá - xã hội

1- Dân số, việc làm, xoá đói giảm nghèo và thực hiện chính sách xã hội

Đẩy mạnh công tác truyền thông và các hoạt động dịch vụ kế hoạch hoá gia đình, chú trọng vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giảm tỷ lệ tăng dân số bình quân xuống 2,38% (trong đó tỷ lệ tăng dân số tự nhiên

giảm xuống còn 1,5%); nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Chú trọng vai trò của gia đình, xây dựng gia đình chỉ có một đến hai con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; thực hiện bình đẳng giới và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, mở rộng và phát triển mạng lưới an sinh xã hội.

Phát triển dịch vụ việc làm, tạo môi trường thuận lợi để người lao động có cơ hội tìm việc và được tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Tăng đầu tư cho chương trình giải quyết việc làm, mở rộng đào tạo nghề, có chính sách thu hút lao động có trình độ kỹ thuật và tay nghề cao từ nơi khác đến. Khuyến khích các doanh nghiệp, các đơn vị quân đội làm kinh tế, thu hút lao động là thanh niên đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, học sinh - sinh viên tốt nghiệp ở các trường, con em đồng bào dân tộc thiểu số; hướng dẫn các hộ gia đình phát triển sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tổ chức cuộc sống cộng đồng thôn làng.

Thực hiện tốt chương trình xoá đói giảm nghèo, lồng ghép có hiệu quả các chương trình Quốc gia cho các xã nghèo, tranh thủ các nguồn vốn của nước ngoài tài trợ cho xoá đói giảm nghèo, nhằm tạo ra những chuyển biến cơ bản về phát triển kinh tế - xã hội ở các xã khó khăn. Hoàn thành công tác định canh định cư, gắn định canh định cư với sắp xếp lại dân cư, phân bố dân kinh tế mới. Khẩn trương hoàn thành Chương trình 134 về giải quyết đất ở, đất sản xuất, nhà ở và nước sinh hoạt cho đồng bào dân tộc thiểu số. Thực hiện phân bố lại lao động và dân cư, giãn mật độ dân nội thị; có biện pháp khắc phục tình trạng di dân tự do dẫn tới phá rừng, mua bán tranh chấp đất, gây mất ổn định trật tự xã hội.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có công với nước, mở rộng phong trào “uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”, “phụng dưỡng Mẹ Việt Nam anh hùng”, xây dựng “nhà tình nghĩa”, “nhà đại đoàn kết” ... để nâng dần mức sống các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội.

Đẩy mạnh các hoạt động nhân đạo, từ thiện; bảo trợ trẻ mồ côi, lang thang cơ nhỡ, người già neo đơn, nạn nhân chiến tranh, người tàn tật; xây dựng các quỹ tình thương từ nhiều nguồn, nhất là sự tham gia đóng góp của các tầng lớp nhân dân.

2- Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, tài nguyên và môi trường

Đến năm 2010, bảo đảm trên 70% trẻ em trong độ tuổi được hưởng chương trình giáo dục mầm non; hoàn thành chương trình phổ cập trung học cơ sở; coi trọng chất lượng giáo dục toàn diện, giáo dục chuyên sâu ở cả vùng thuận lợi và vùng khó khăn. Thực hiện tốt các chính sách đối với con em trong diện chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số.

Tiếp tục thực hiện xã hội hoá giáo dục; mở rộng quy mô các trường nội trú và trường bán trú. Phát triển Phân hiệu đại học Nông - Lâm thành phố Hồ Chí Minh tại Gia Lai, tiến tới thành lập Trường đại học Gia Lai.

Đẩy mạnh dạy nghề dưới nhiều hình thức để ngày càng có nhiều thanh niên đến tuổi lao động được đào tạo nghề. coi trọng đào tạo, đào tạo lại và tự đào tạo đội ngũ ở các ngành, các cấp, các giai tầng xã hội.

Tiếp tục đầu tư và khuyến khích ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin, vật liệu mới, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh. Xây dựng chính sách nhất quán và lâu dài để trọng dụng, thu hút nhân tài về làm việc tại tỉnh.

Thường xuyên tổng kết thực tiễn, điều tra cơ bản để phục vụ cho việc quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ và khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên. Chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường và giữ gìn cảnh quan thiên nhiên để phát triển bền vững.

3- Phát triển y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, đảm bảo trên 95% trẻ em được tiêm chủng mở rộng; giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng xuống dưới 25%, giảm tỷ lệ mắc bệnh và chết do các bệnh sốt rét, lao, viêm phổi, viêm não, sốt xuất huyết, thương hàn...; loại trừ uốn ván trẻ sơ sinh, khống chế bệnh sởi, giảm tỷ lệ lưu hành bệnh phong xuống dưới 0,2/10.000 dân vào năm 2010. Phát hiện sớm, điều trị kịp thời các bệnh truyền nhiễm, hạn chế dịch bệnh và nhanh chóng dập tắt các ổ dịch. Tăng cường công tác vệ sinh phòng bệnh, truyền thông giáo dục sức khỏe, phòng chống ma túy, mại dâm, ngăn chặn hiểm họa HIV/AIDS.

Tập trung xây dựng và củng cố mạng lưới y tế cơ sở. Khuyến khích phát triển đi đôi với quản lý tốt các hoạt động y dược, các dịch vụ khám chữa bệnh ngoài giờ. Phát triển y học cổ truyền, kết hợp quân - dân y. Nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm y tế dự phòng, các bệnh viện tuyến huyện để giảm dần tình trạng quá tải của tuyến trên.

Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế cho đồng bào dân tộc thiểu số, người nghèo, đối tượng chính sách, tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân vào năm 2010. Chấn chỉnh và nâng cao ý thức cho cán bộ ngành y tế.

4- Văn hoá - thông tin, phát thanh - truyền hình, thể dục thể thao

Nâng cao chất lượng và thời lượng các chương trình phát thanh truyền hình địa phương, kể cả tiếng Jrai và Bahnar, để 95% số hộ dân được xem truyền hình; phát triển hệ thống truyền thanh không dây để 100% số hộ được nghe đài. Đẩy mạnh phong trào văn hoá văn nghệ quần chúng, xây dựng đời

sống văn hoá cơ sở, trong đó chú trọng xây dựng gia đình văn hoá, khu dân cư văn hoá, làng văn hoá. coi trọng các hoạt động bảo tồn, bảo tàng; tôn tạo các di tích lịch sử và các di sản văn hoá dân tộc. Xây dựng các công viên văn hoá, nơi vui chơi giải trí, quảng trường ở thành phố, thị xã, thị trấn. Tổ chức tốt các hoạt động báo chí, phát thanh truyền hình đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của nhân dân. Ngăn chặn có hiệu quả các loại văn hoá độc hại, phản động, đồi trụy; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, nâng cao thị hiếu thẩm mỹ hưởng thụ văn hoá nghệ thuật, nhất là trong thanh thiếu niên.

Chú trọng phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng và mạng lưới thể dục, thể thao cơ sở; nâng số người luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên đạt mức 22% dân số. Nâng chất lượng đội ngũ huấn luyện và vận động viên thể thao thành tích cao.

Đầu tư xây dựng mới một số trung tâm văn hoá, thể dục thể thao. Nâng cấp hệ thống phát thanh truyền hình; quản lý và khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất hiện có. Xây dựng cơ chế khuyến khích các cá nhân, doanh nghiệp đầu tư và bảo trợ các hoạt động văn hoá, thể dục, thể thao.

5- Công tác tôn giáo trong tình hình mới

Các cấp, các ngành tiếp tục lãnh đạo, quán triệt các quan điểm về công tác tôn giáo của Đảng trong tình hình mới; thực hiện nghiêm pháp luật về tôn giáo. Lãnh đạo công tác vận động quần chúng có đạo và chức sắc các tôn giáo làm tròn trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân, sống "tốt đời, đẹp đạo", hoạt động đúng pháp luật; đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả việc lợi dụng tôn giáo để phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xâm phạm an ninh quốc gia. Kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý Nhà nước về tôn giáo từng bước đưa hoạt động này đi vào nề nếp.

V- Về quốc phòng - an ninh

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả hai nhiệm vụ chiến lược "Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc" trong tình hình mới, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ nhân dân; đập tan âm mưu "diễn biến hoà bình", bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị trong mọi tình huống. Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật nhằm xây dựng hoàn thiện và củng cố vững chắc khu vực phòng thủ đủ khả năng đánh bại chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Phát triển kinh tế gắn với quốc phòng - an ninh, lấy việc ổn định và phát triển kinh tế - xã hội làm nền tảng giữ vững ổn định chính trị. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh toàn diện; nâng cao chất lượng chính trị, độ tin cậy và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên. Phát huy nội lực làm nền tảng nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, mở rộng quan hệ

hợp tác quốc tế, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác có hiệu quả với Campuchia.

Huy động sức mạnh toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Quốc gia. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các phương án phòng chống bạo loạn; kiên quyết đấu tranh xoá bỏ tư tưởng và tổ chức phản động FULRO, không để xảy ra bạo loạn chính trị; giữ vững an ninh biên giới và ngăn chặn có hiệu quả người vượt biên và xâm nhập trái phép. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, xây dựng, củng cố thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận quốc phòng toàn dân. Kết hợp chặt chẽ công tác xây dựng Đảng với bảo vệ Đảng, bảo vệ chính trị nội bộ, đập tan mọi luận điệu xuyên tạc, tuyên truyền tư tưởng ly khai, tự trị của các thế lực thù địch. Không để xảy ra các “điểm nóng” về an ninh; tạo chuyển biến tích cực trong thực hiện các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy; đẩy lùi tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội; kiềm chế tai nạn giao thông, giữ vững trật tự xã hội.

VI- Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị

1- Xây dựng Đảng

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng ngang tầm với yêu cầu trong giai đoạn cách mạng mới. Xây dựng Đảng bộ vững về chính trị, tư tưởng, mạnh về tổ chức, nâng cao trình độ về mọi mặt, giữ vững bản chất giai cấp công nhân, tính tiên phong gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên; chống tư tưởng ỷ lại, thụ động. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền, Mặt trận và đoàn thể, đặc biệt chú trọng xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Đảng với dân. Chấp hành nghiêm các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, trước hết là thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2); mở rộng dân chủ đi đôi với tăng cường đoàn kết, thống nhất và giữ nghiêm kỷ luật Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Phát huy dân chủ, nâng cao trí tuệ, trách nhiệm, giữ vững kỷ cương, tăng cường đoàn kết là những yêu cầu quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ xây dựng Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, ngang tầm với nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng trong thời gian đến.

- Xây dựng Đảng về chính trị, đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên

Đẩy mạnh công tác học tập, nghiên cứu, vận dụng Chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, làm cho cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao nhận thức về lý luận chính trị, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn. Các cấp uỷ đảng thường xuyên quán triệt cho cán bộ, đảng viên nắm vững các chủ trương, đường lối, chính

sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp. Tăng cường giáo dục chủ nghĩa yêu nước, truyền thống của Đảng, của dân tộc, đạo đức cách mạng, cổ vũ các phong trào thi đua yêu nước, tinh thần tương thân, tương ái, tạo sự đoàn kết thống nhất ngày càng cao trong Đảng và sự đồng thuận xã hội.

Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng; coi đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, trực tiếp của hệ thống chính trị, nhằm nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh và củng cố niềm tin của nhân dân. Tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong công tác thanh tra, kiểm tra; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu các địa phương, đơn vị.

Thực hiện công khai trong Đảng, đưa việc tự phê bình và phê bình trở thành nền nếp. Phát huy cơ chế đề nhân dân góp ý phê bình cán bộ đảng viên và tổ chức Đảng. Quán triệt và vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ X và các Nghị quyết của Đảng vào tình hình thực tiễn của địa phương. Làm cho cán bộ đảng viên và nhân dân nhận rõ thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức, nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hoà bình”, lợi dụng các vấn đề dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo để tuyên truyền tư tưởng ly khai, kích động bạo loạn, lật đổ và lôi kéo người vượt biên trái phép của các thế lực thù địch và bọn phản động. Kết hợp chặt chẽ công tác giáo dục chính trị, tư tưởng với công tác tổ chức cán bộ.

Đổi mới công tác giáo dục chính trị tư tưởng ở các cấp uỷ, nâng cao chất lượng các cơ quan làm công tác tuyên truyền và đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên. Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tuyên truyền. Thực hiện tốt công tác tổng kết thực tiễn, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến ở các cấp uỷ đảng.

- Tiếp tục đổi mới công tác cán bộ

Làm tốt công tác qui hoạch và xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp; cán bộ lãnh đạo, quản lý phải vững vàng về chính trị, gương mẫu về đạo đức, trong sạch về lối sống, có trí tuệ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn, có tâm huyết và thật sự vì dân, gắn bó với nhân dân. Trong công tác cán bộ tránh chủ quan, một chiều, cục bộ địa phương; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ và tuân thủ quy trình. Tạo bước chuyển biến rõ rệt trong công tác đánh giá, sử dụng cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn, năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và sự tín nhiệm của nhân dân. Tiếp tục xây dựng và thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ, đặc biệt là cán bộ cơ sở, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ đã nghỉ hưu. Đẩy mạnh luân chuyển cán bộ theo quy hoạch, tăng cường cán bộ cho cơ sở theo chức danh, từng bước nâng chất lượng đội ngũ cán bộ giữa các vùng, các lĩnh vực.

Quan tâm đúng mức công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, phường, thôn, làng, tổ dân phố. coi trọng công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bên cạnh việc xem xét lại lịch chính trị, phải coi trọng thái độ chính trị hiện nay. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường chính trị tỉnh và các trung tâm cấp huyện; nội dung, phương pháp đào tạo phải đáp ứng với yêu cầu thực tiễn của tỉnh.

- Xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở đảng

Tập trung xây dựng, củng cố nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, thực hiện đúng chức năng là hạt nhân lãnh đạo chính trị đối với chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế, các tầng lớp nhân dân. Khắc phục sự bao biện, làm thay, nhất là tình trạng ỷ lại, thụ động, buông lỏng vai trò lãnh đạo; coi trọng xây dựng chi bộ, tổ đảng ở thôn, làng, tổ dân phố; kiện toàn và củng cố các cấp uỷ cơ sở yếu kém; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, giải quyết tốt những vấn đề phát sinh từ cơ sở. coi trọng chất lượng cán bộ - đảng viên ở cơ sở thông qua thực hiện nhiệm vụ được giao và hướng dẫn, kiểm tra đảng viên chấp hành, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu trong học tập, sinh hoạt, công tác và lối sống, thực hiện tốt việc tham gia sinh hoạt ở địa bàn dân cư. Đổi mới, cải tiến phương pháp, lề lối làm việc của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở.

Đẩy mạnh phát triển đảng viên theo tiêu chuẩn và điều kiện thực tiễn địa phương, chú ý con em cán bộ và gia đình có công với nước, những quần chúng ưu tú trong công nhân, trí thức, lao động trong các thành phần kinh tế, thanh niên dân tộc thiểu số.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới; đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng

Nâng cao năng lực tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng. Việc ra Nghị quyết cần ngắn gọn, rõ ràng, nêu được nội dung cụ thể và thời hạn hoàn thành, người phụ trách gắn với tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện. Phát huy vai trò tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách trong việc triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, công tác quần chúng và xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn.

Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường nguyên tắc tập trung trong sinh hoạt Đảng, trước hết là sinh hoạt chi bộ, sinh hoạt cấp uỷ, trong công tác cán bộ và trong việc đề ra Nghị quyết. Khắc phục dân chủ hình thức, dân chủ cục bộ, lợi dụng dân chủ để mưu cầu lợi ích riêng, cục bộ, bản vị. Giữ

vững đoàn kết, thống nhất, loại bỏ độc đoán chuyên quyền, kéo bè cánh; giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn, bảo vệ bí mật của Đảng.

Đẩy mạnh công tác củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng hoạt động của các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ khối. Phát huy vai trò trách nhiệm của đảng viên, cấp uỷ viên trong nghiên cứu, đề xuất các chủ trương, chính sách mới.

Tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền. Phát huy vai trò chủ động của chính quyền trong điều hành thông qua việc ra các quyết định đúng đắn, đi đôi với kiểm tra việc tổ chức thực hiện của chính quyền các cấp.

Lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể đẩy mạnh đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực; xây dựng lực lượng nòng cốt tham gia quản lý xã hội và đấu tranh chống các thế lực thù địch. Thông qua Mặt trận và các đoàn thể để tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, tạo điều kiện và bảo đảm cho nhân dân phát huy quyền làm chủ.

Tăng cường công tác kiểm tra của các cấp uỷ và uỷ ban kiểm tra các cấp. Tập trung kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc; đoàn kết nội bộ, rèn luyện, phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định và nhiệm vụ của cấp uỷ giao, bám sát tư tưởng chỉ đạo: “*chủ động, chiến đấu, giáo dục, hiệu quả*” trong công tác kiểm tra. Công tác kiểm tra phải kết hợp chặt chẽ với việc giải quyết nhanh, hiệu quả các khiếu nại, tố cáo của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp

Tập trung xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, có đủ năng lực cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan Nhà nước. Lãnh đạo đổi mới phương thức và nâng cao hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và đại biểu dân cử trong việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp. Tiếp tục kiện toàn bộ máy chính quyền các cấp theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực và hiệu quả đi đôi với phân cấp nhiều hơn cho các ngành, các địa phương. Chú trọng xây dựng và kiện toàn bộ máy chính quyền cấp xã, phường trong sạch vững mạnh, có đủ năng lực và giải quyết đúng thẩm quyền những vấn đề từ thực tiễn cuộc sống đặt ra.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật; chú ý nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của

cán bộ tư pháp; kiểm tra các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; hạn chế thấp nhất tình trạng oan, sai. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giữ vững kỷ luật, kỷ cương; tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật, pháp chế, chống tham nhũng, lãng phí. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

Xây dựng đội ngũ cán bộ công chức có phẩm chất, năng lực và trí tuệ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; thay thế những cán bộ, công chức yếu kém về năng lực, thoái hoá về phẩm chất đạo đức, tham nhũng; xử lý nghiêm những cán bộ vi phạm kỷ luật.

3 - Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Mặt trận và các đoàn thể vững mạnh, hoạt động sát dân, đại diện cho quyền làm chủ của nhân dân

Quán triệt sâu sắc những quan điểm của Đảng về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới; triển khai có hiệu quả các mục tiêu nhiệm vụ, giải pháp thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc phù hợp với thực tế tình hình nhằm tập hợp các tầng lớp nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra” trên các mặt của đời sống xã hội, mà trực tiếp là những vấn đề có liên quan đến người dân, nhất là chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo.

Phát huy vai trò và tính sáng tạo của Mặt trận, các đoàn thể trong tập hợp đoàn viên, hội viên thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị của đoàn thể, tổ chức mình. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể, hướng về cơ sở, khắc phục “bệnh” hình thức, hành chính, quan liêu. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, làm cho nhân dân hiểu và nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; hiểu và đấu tranh chống lại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch. Tăng cường phối hợp và tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể triển khai các phong trào thi đua yêu nước, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở”, phong trào sản xuất và tiết kiệm, phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng nền quốc phòng toàn dân.

Tạo điều kiện cho Mặt trận và các đoàn thể đảm nhận một số công việc có liên quan đến đời sống của nhân dân, như tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội; giải quyết có hiệu quả những nhu cầu, nguyện vọng chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân.

Đầu tư cơ sở vật chất cho các tổ chức quần chúng triển khai các phong trào hành động cách mạng để tập hợp quần chúng vào tổ chức; chú trọng xây

dựng cốt cán trong vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Phân đầu 100% thôn làng, tổ dân phố có tổ chức và tập hợp trên 80% quần chúng vào các tổ chức đoàn, hội. Có kế hoạch xây dựng lực lượng nòng cốt của Mặt trận và các đoàn thể ở từng địa bàn dân cư.

* *

*

Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII là Đại hội của “Trí tuệ, đoàn kết, dân chủ, đổi mới; tất cả vì sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá tỉnh nhà, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh kêu gọi toàn Đảng bộ, quân và dân các dân tộc trong tỉnh tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết, ý thức tự lực, tự cường của đồng bào các dân tộc tỉnh nhà; tranh thủ thời cơ, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thách thức; huy động tối đa sức người, sức của, tài năng và trí tuệ, quyết tâm phấn đấu thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh đề ra.

Nơi nhận

- Ban Bí thư, } báo
- VPTW Đảng } cáo
- Lưu VPTU.

**T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ**

đã ký

Hà Sơn Ninh